

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG
THÔN

Số: 456/QĐ-BNN-NTTS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 4 tháng 2 năm 2004

QUYẾT ĐỊNH

V/v Ban hành một số quy định về điều kiện sản xuất giống, nuôi tôm chân trắng

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 1 năm 2008 của Chính phủ Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quy định tại khoản 1 Điều 36 Luật Thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi số 16/2004/PL-UBTVQH11 ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ban hành kèm theo Lệnh số 06/2004/-CTN ngày 12 tháng 5 năm 2004;

Căn cứ Quyết định số 224/1999/QĐ-TTg ngày 08 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản thời kỳ 1999-2010;

Căn cứ Nghị định số 59/2005/NĐ-CP ngày 04/5/2005 của Chính phủ về điều kiện sản xuất, kinh doanh một số ngành nghề thủy sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Nuôi trồng thủy sản

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này: Quy định về điều kiện sản xuất giống, nuôi tôm chân trắng.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định 176/QĐ-BTS ngày 01 tháng 3 năm 2006 của Bộ Thủy sản (cũ) “Về việc ban hành một số Quy định tạm thời đối với tôm chân trắng”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ; Thủ trưởng các Vụ, Cục, Thanh tra Bộ, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bộ; Giám đốc các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; các cơ sở sản xuất giống và nuôi tôm chân trắng; các đơn vị có liên quan khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Nguyễn Việt Thắng

QUY ĐỊNH

Điều kiện sản xuất giống, nuôi tôm chân trắng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 456/QĐ-BNN-NTTS ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích, đối tượng và phạm vi áp dụng

1. Mục đích

Phát triển nuôi tôm chân trắng hiệu quả, đảm bảo an toàn cho các loài tôm bản địa, góp phần đa dạng sinh học và hướng tới phát triển nuôi tôm chân trắng bền vững.

2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

a. *Đối tượng*: tôm chân trắng (*Litopenaeus vannamei* Boone, 1931 hoặc *Penaeus vannamei* Boone, 1931).

b. *Phạm vi áp dụng*: Các tỉnh ven biển trong cả nước.

Chương II

SẢN XUẤT GIỐNG TÔM CHÂN TRẮNG

Điều 2. Điều kiện cơ sở sản xuất giống

1. Vị trí xây dựng Trại.

a. Phải nằm trong vùng quy hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b. Thuận tiện giao thông, có nguồn điện ổn định cho sản xuất.

c. Môi trường đất và nước không bị nhiễm bẩn với chất thải từ khu dân cư, khu công nghiệp, bến cảng, dầu khí và thuốc bảo vệ thực vật.

d. Nơi có nguồn nước mặn, nước ngọt ổn định quanh năm.

- Nước mặn:

Sử dụng nguồn nước có độ mặn không dưới 28‰, đảm bảo các chỉ tiêu lý, hoá học theo yêu cầu dưới đây.

Bảng 1: Giá trị giới hạn cho phép nồng độ một số chất trong môi trường nước mặn để sản xuất tôm giống

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn
1	pH		7,5 – 8,5

2	Oxy hoà tan	Mg/l	≥ 5
3	BOD ₅ (20 ⁰ C)	Mg/l	< 10
4	NH ₃ -N	Mg/l	$\leq 0,1$
5	NO ₂ -N	MPN/ml	$< 0,25$
6	Coliform	Mg/l	≤ 10
7	H ₂ S		$< 0,02$

- Nước ngọt:

Sử dụng nguồn nước ngọt đảm bảo các chỉ tiêu lý, hoá học theo yêu cầu dưới đây.

Bảng 2: Giá trị giới hạn cho phép nồng độ một số chất trong môi trường nước ngọt để sản xuất tôm giống

TT	Thông số	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn
1	pH		7,5 – 8,5
2	BOD ₅ (20 ⁰ C)	Mg/l	< 25
3	COD	Mg/l	$35 < \text{COD} < 100$ $p = \text{""}$ $< / \text{COD}, 100 < >$
4	Oxy hoà tan	Mg/l	< 3
5	CO ₂	Mg/l	≤ 12
6	Magiê	Mg/l	≤ 50
7	Coliform	MPN/ml	≤ 50
8	Chất rắn lơ lửng	Mg/l	≤ 80

2. Yêu cầu cơ sở vật chất kỹ thuật

a) Các loại bể sản xuất xây dựng phải đảm bảo an toàn trong quá trình sản xuất và đáp ứng:

- Đối với các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long trại sản xuất tôm giống phải nằm trong vùng sản xuất giống tập trung đã được Bộ quy hoạch, kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, công suất 500 triệu tôm PL15/trại/năm trở lên;

- Đối với các tỉnh ven biển từ Quảng Ninh đến Bình Thuận trại sản xuất tôm giống phải nằm trong vùng đã được Bộ và địa phương quy hoạch, kiểm soát chặt chẽ quá trình sản xuất, công suất 7923 triệu tôm PL15/trại/năm trở lên, từ ngày 01/1/2010 phải nâng công suất đạt 500 triệu tôm PL15/trại/năm trở lên.

b) Phải có hệ thống bể nuôi tôm bố mẹ, bể giao vĩ và bể cho đẻ. Nền nhà đặt các bể phải được lát bằng vật liệu không thấm nước, dễ thoát nước, dễ vệ sinh và khử trùng.

c) Hệ thống bể ương nuôi ấu trùng và ấp trứng Artemia được bố trí độc lập nằm trong nhà bao che, được bố trí ánh sáng hợp lý, nền nhà đặt các bể nêu trên phải được lát bằng vật liệu dễ thoát nước, dễ vệ sinh và khử trùng.

d) Nhà lưu giữ và nuôi sinh khối tảo phải được trang bị điều hoà nhiệt độ, đèn neon và thiết bị lọc, sục khí sạch. Nhà nuôi sinh khối tảo phải đảm bảo vệ sinh và vô trùng.

đ) Hệ thống cung cấp nước cho trại sản xuất tôm giống gồm: trạm bơm đầu nguồn, bể lắng, bể xử lý nước, bể lọc nước và bể chứa nước đã lọc phải đảm bảo cung cấp đủ nước sạch đáp ứng công suất của trại.

e) Hệ thống xử lý nước thải

- Hệ thống tiêu nước thải yêu cầu phải thoát nước nhanh, không ứ đọng trong quá trình sản xuất, côn trùng và vật gây hại không theo đường thoát nước xâm nhập vào trại.

- Bể xử lý nước thải yêu cầu phải xử lý được lượng nước thải của cả hệ thống. Nước thải sau khi xử lý đảm bảo yêu cầu về chất lượng nước thải theo quy định của Bộ Thủy sản.

- Bể chứa nước thải phải tách biệt khu sản xuất, không gây ô nhiễm ngược lại khu sản xuất.

f) Nhà đặt máy và kho vật tư thiết bị